

Biểu mẫu 10

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Quốc Tuấn
Năm học 2022 – 2023**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp K 6	Lớp K 7	Lớp K 8	Lớp K 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	690	182	190	172	146
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	671 (97.2%)	173 (95.1%)	188 (98.9%)	164 (95.3%)	146 (100%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	18 (2.6%)	9 (4.95%)	2 (1.05%)	7 (4.1%)	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.1%)	0	0	1 (0.6%)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	690	182	190	172	146
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	280 (40.6%)	68 (37.4%)	87 (45.8%)	57 (33.1%)	68 (46.6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	307 (44.5%)	90 (49.4%)	75 (39.5%)	80 (46.5%)	62 (42.5%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	96 (13.9%)	20 (11.0%)	27 (14.2%)	33 (19.2%)	16 (11.0%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	5 (0.72%)	4 (2.2%)	1 (0.5%)	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	8 (1.16%)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	687 (99.6%)	177 (99.44%)	137 (94.48%)	162 (98.79%)	142 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	25 (6.72%)	7 (3.85%)	18 (9.47%)		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	182 (28.9%)	60 (33.0%)	69 (36.3%)	57 (33.1%)	68 (46.6%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	142 (44.6%)			80 (46.5%)	62 (42.5%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7 (1%)	4 (2.2%)	1 (0.5%)	2 (1.0%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.4%)	2	1	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	20 (2.9%)	3 (1.6%)	6 (3.1%)	7 (4.0%)	4 (2.7%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0.4%)	0	2 (1.0%)	0	1 (0.6%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp Khối 9	146	0	0	0	145
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	146	0	0	0	146

1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	68 (46.6%)	0	0	0	68 (46.6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	62 (42.5%)	0	0	0	62 (42.5%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	16 (11.0%)	0	0	0	16 (11.0%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	326/326	101/81	101/89	93/79	69/77
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

Quốc Tuấn, ngày 01 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Thị Minh Nguyệt

